

Lương của người lao động Trung Quốc có thể đang tăng, nhưng số liệu thống kê chính thức không nói lên toàn bộ câu chuyện.



Lao động giá rẻ từ lâu đã được xem là nhân tố chính phía sau sự thịnh vượng kinh tế của Trung Quốc, đây chắc chắn là công nhân của thế giới, làm thay đổi các dây chuyền cung cấp toàn cầu, và kích động những cuộc tranh luận về các nước khác về việc các công ty chuyển nhà máy của họ sang Trung Quốc, nhưng hậu quả của việc tìm kiếm công nhân việc làm từ nước ngoài cho các ngành công nghiệp và lao động trong nước và các lợi thế cạnh tranh không công bằng kết hợp với di cư kinh tế lao động nghèo nàn của các công nhân nhà máy của Trung Quốc.

Tuy nhiên, các nguyên nhân và hậu quả có thể đổi chỗ cho nhau như vận chuyển xảy ra trong kinh tế học. Lao động giá rẻ đã tạo ra sự thịnh vượng của Trung Quốc, điều mà đến lượt nó cuối cùng có thể loại bỏ hiện tượng lao động giá rẻ. Tăng trưởng kinh tế trong 20 năm qua đã dẫn đến một sự tăng nhanh về tiền lương. Do đó, những di cư biên của thế giới trong lao động Trung Quốc gần đây đã thu hút sự chú ý ngày càng tăng từ nhiều nhà kinh tế và phân tích khác nhau đang cố gắng tìm hiểu điều gì đang xảy ra với lợi thế cạnh tranh toàn cầu nơi bắt đầu của Trung Quốc.

Số liệu thống kê chính thức ở Trung Quốc cho thấy mức sống gia tăng đáng kể thu nhập của người dân. Những điều quan trọng đối với tính cạnh tranh quốc tế là số so sánh trên cơ sở quốc gia. Nhiều nhà phân tích khác nhau đã đưa ra những ước tính so sánh mức lương và chi phí lao động với các nước khác. Chẳng hạn, theo các ước tính từ tập đoàn Merrill Lynch thuộc Ngân hàng Mỹ, mức lương theo giờ ở Mexico tính bằng USD trong năm 2016 thấp hơn 40% so với mức này ở Trung Quốc. Theo dữ liệu từ tập đoàn nghiên cứu thị trường Euromonitor International, mức lương tính theo giờ trong ngành sản xuất ở Trung Quốc trong năm 2016 đã vượt quá mức lương ở mọi nền kinh tế lớn ở Mỹ Latinh lớn ngoài trừ Chile và chiếm khoảng 70% mức lương ở các nước yếu hơn trong Khu vực đồng euro, như Bồ Đào Nha. Nói chung, tất cả các ước tính cho thấy rằng lợi thế cạnh tranh của Trung Quốc chắc chắn là đang suy giảm nếu không muốn nói là đã hoàn toàn biến mất.

Tuy nhiên, những so sánh quốc tế về lương bổng cần thận trọng do không đủ dữ liệu. Có thể so sánh được, các chi số thống kê cần được tính toán trên cơ sở phương pháp giống nhau, theo các tiêu chuẩn thống kê được chấp nhận trên toàn cầu. Những lĩnh vực thống kê thị trường lao động, có thể không đồng nhất đáng kể giữa các nước về các phương thức và nguồn dữ liệu để ước tính tỉ lệ lương quốc gia.

Vấn đề này được biết rõ ràng đối với các nước đang phát triển. Mức lương ước tính có thể khác nhau do nguồn dữ liệu (dữ liệu quốc tế, các cuộc điều tra chọn mẫu, điều tra dân số), do sự bao trùm nhiều loại hình doanh nghiệp, lao động, giai đoạn quan sát thống kê khác nhau... Chẳng hạn, các dữ liệu thống kê chính thức ở Ấn Độ không bao gồm tất cả lao động trong ngành công nghiệp, còn ở Mexico, dữ liệu quốc gia chỉ có sẵn kể từ năm 2005.

Dữ liệu thống kê về thị trường lao động của Trung Quốc cũng có những mặt hạn chế, điều này gây ra những hạn chế thêm chí còn nhiều hơn nữa đối với những so sánh quốc tế. Có thể giải thích những khó khăn mà việc thống kê chính thức của Trung Quốc gặp phải trong khi tính toán những khoản thu nhập của người dân (thu nhập và tiền lương) bằng cách là Cục Thống kê quốc gia (NBS) vẫn ước tính những chi số áp dụng cho toàn bộ nền kinh tế như GDP chỉ số dùng cho yếu tố cách tiếp cận sản xuất.

## **Dữ liệu về tiền lương ở Trung Quốc không mang tính đại diện**

Không có một chủ sở duy nhất và tiến l trong các thng kê chính thc của Trung Quốc. Các thng kê chính thc và tiến l đợc NBS ph bi n xu t phát t nhi u ngu n khác nhau, mà bao trùm các lo i hình lao đng khác nhau. ớc tính này của h thng thng kê chính thc của Trung Quốc xu t phát t thc t là n n kinh t Trung Quốc trong nhng thp k g n đây đã tr i qua m t s thay đ i l n t n n kinh t ch huy sang m t ki u n n kinh t th tr ng nào đó mang đ c s c Trung Quốc. Trong giai đ o n này, các n ng l c giám sát nhng di n bi n trong n n kinh t của h thng thng kê chính thc đã và đang t t h u so v i nh p đ thay đ i trong xã h i nói chung. Vai trò của các doanh nghi p s h u nhà n c trong n n kinh t đã gi m đi, các lo i hình doanh nghi p m i đợc đ a vào, s di c t các khu v c nông thôn đ n các khu v c thành th đã t ng lên đáng k, và th tr ng lao đng đã tr i qua s thông tin hóa đáng k. Khi h thng thng kê truy n thng của Trung Quốc ph thu c n ng n vào vi c báo cáo tr c ti p trong quá trình thu thp d li u, nó nhanh chóng tr n nên không còn phù h p trong nhng b i c nh kinh t m i.

Có th th y ch s đ u tiên và tiến l của Trung Quốc trong niên giám thng kê hàng n m của NBS và đó là “m c l ng trung bình m i n m của nhng ng i đợc thuê làm vi c ở các đ n và thành th”. Ch s này đợc s d ng t ng đ i ph bi n đ phân tích l ng và so sánh v i các n c khác. Ví d, T ch c lao đng qu c t (ILO) đ a vào các d li u này đ đ a ra ớc tính của h v thu nh p trung bình hàng tháng của ng i lao đng trong c s d li u ILOSTAT của h. Tuy nhiên, thu t ng đợc NBS s d ng trong niên giám thng kê của h có th gây nh m l n đáng k. Trong ph n gi i thi u v n t t, tr ng ch ng nói v vi c làm và tiến l, NBS ch ra r ng các đ n và đô th thc s ám ch cái g i là các “đ n và đô th phi t nhân”. Do đó, d li u v các đ n và t nhân chính thc b lo i tr. Theo d li u của NBS, s ng i làm vi c ở các đ n và phi t nhân ch chi m 23% t ng s vi c làm trong n n kinh t Trung Quốc và ch a b ng m t n a t ng s vi c làm ở thành th. Do đó, lo i ch s đ u tiên không nên đợc hi u m t cách nh m l n là đ i di n cho toàn b n n kinh t của Trung Quốc.

Khu v c phi t nhân bao g m các lo i hình doanh nghi p nào? S pha tr n các đ c tr ng xã h i ch ngh a và t b n ch ngh a của Trung Quốc hi n đ i đã đ n đ n nhi u khó kh n trong vi c s d ng và gi i thích các ph m tr thng kê. Các khu v c t nhân c ng nh phi t nhân trong s li u thng kê chính thc của Trung Quốc ch y u đ i di n cho tình tr ng đng ký của doanh nghi p ch không ph i là lo i hình s h u. Ở Trung Quốc, khu v c phi t nhân bao g m các doanh nghi p s h u nhà n c, doanh nghi p có v n đ u t n c ngoài, và các thc th nh doanh nghi p t p th, công ty c ph n, công ty trách nhi m h u h n... Trong khi lo i hình s h u của doanh nghi p nhà n c đợc xác đnh rõ ràng, đ i v i các lo i hình khác thì

câu tr l i có th không đ n gi n nh v y. Trên th c t , các công ty mà ch s h u t nhân chi m đa s có th đ c đ ng ký là các th c th phi t nhân Trung Qu c. Ví d , t t c các công ty có v n đ u t n c ngoài đ c x p vào lo i hình thu c khu v c phi t nhân.

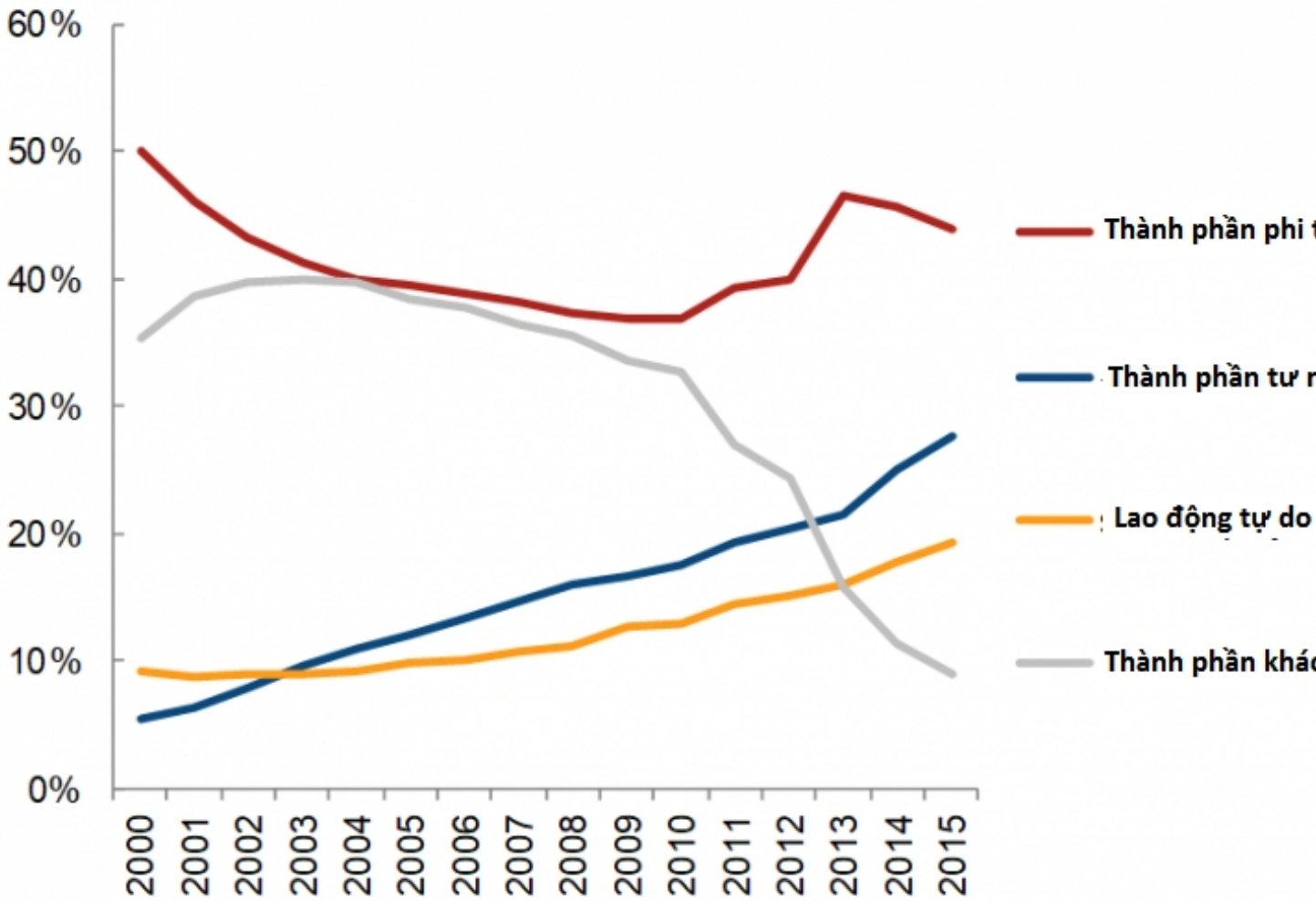
D li u v l o ng i khu v c t nhân thành th , đ i di n cho các doanh nghi p do các cá nhân đ ng ký và ki m soát, đã xu t hi n trong s li u th ng kê chính th c c a Trung Qu c trong n m 2009. Trong n m đó, NBS đã b t đ u thu th p d li u v m c l o ng hàng n m c a các doanh nghi p t nhân thông qua m t h th ng báo cáo đ c thi t l p chuyên bi t. Theo h th ng này, m i doanh nghi p thuê h n 100 ng i đ u đ c yêu c u phi tr c ti p báo cáo thông tin v l o ng, trong khi các doanh nghi p thuê t 20 đ n 99 ng i phi tham gia các cu c đ i u tra ch n m u. Các c t tính c a NBS v ti n l o ng trong khu v c t nhân đ c công b hàng n m trên trang web chính th c. Tuy nhiên, d li u ch có i phi n b n ti ng Trung Qu c. Theo d li u c a NBS, vi c làm i khu v c t nhân thành th chi m 28% trong t ng s vi c làm i thành th i Trung Qu c.

Nhìn chung, h th ng báo cáo v l o ng trong s li u th ng kê chính th c c a Trung Qu c hi n nay bao trùm kho ng 290 tri u ng i (chi m 70% t ng s vi c làm i thành th ). Con s này th hi n t ng s vi c làm trong khu v c phi t nhân và t nhân i các khu v c thành th . 30% còn l i (kho ng 115 tri u ng i) bao g m các cá nhân đ c đ ng ký là lao đ ng t do và không chính th c, nh ng ng i có tình tr ng vi c làm không đ c chính quy n xác đ nh. H th ng th ng kê chính th c c a Trung Qu c không cung c p thông tin v l o ng đ i v i các lo i hình lao đ ng này. Ng i lao đ ng i các khu v c nông thôn (kho ng 370 tri u ng i) c ng không n m trong h th ng báo cáo v m c l o ng. Do v y, ch có s li u v l o ng c a ch a đ y 40% t ng s lao đ ng trong n n kinh t Trung Qu c.

K t n m 2005, NBS đã th c s b t đ u ti n hành m t cu c kh o sát th o ng xuyên hàng n m trong s nh ng ng i di c t nông thôn. Lo i hình lao đ ng này bao g m nh ng ng i r i kh i n i đ ng ký th o ng trú và làm vi c t i các khu v c nông thôn ho c thành th khác theo mùa v ho c th o ng xuyên. Theo cái g i là h th ng đ ng ký h kh u trong l ch s , ng i lao đ ng di c i các khu v c thành th không có các quy n gi ng nh ng i dân đ a ph o ng và ch y u đ c thuê làm vi c trong khu v c phi chính th c c a n n kinh t. G n đây, chính ph đã b t đ u ban hành nh ng h n ch này, m c dù ti n đ cho đ n nay là ch m. Trong cu c kh o sát c a NBS, trong s các câu h i khác, ng i di c t các khu v c nông thôn đ c h i v ngành ngh c a h và m c l o ng hàng tháng. Tuy nhiên, ng i ta có th đ t câu h i v tính chính xác c a các k t qu kh o sát vì có nh ng nghi ng v vi c ng i tr l i s n sàng ti t l m c thu nh p th c s c a h .

# Phí chông kô nguyên lao đöng giá rô cöa Trung Quöc thöc sö ðä qua?

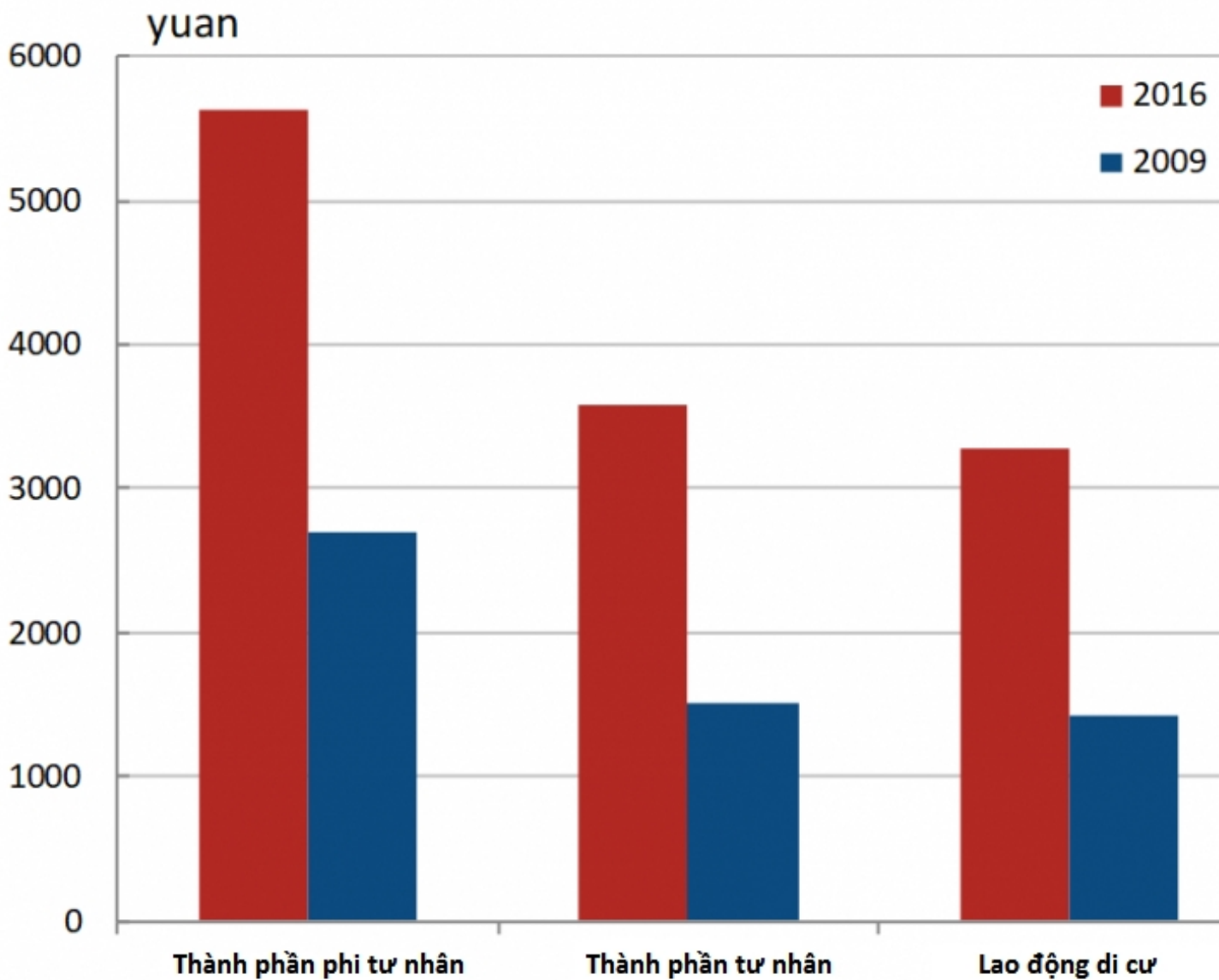
Thö nôm, 11 Thöng 1 2018 14:39



Tóm lüi, hõ thõng thõng kê cöa Trung Quöc ðä ra các ööc tính khác nhau vö möc lüüüg cho 3 loüi hình lao đöng: lao đöng trong khu vöc phi t' nhân, lao đöng trong khu vöc t' nhân và nhöng ngöüi di cö t' nông thôn. Möc lüüüg cao nhöt ðöüc thõng kê chính thöc ghi lüi là ö khu vöc phi t' nhân. Theo sö liüu möi nhöt, vào nôm 2016, möc lüüüg trung bình hàng thöng cöa lao đöng trong khu vöc phi t' nhân là 5.631 nhân dân t' (850 USD). Öüi vöi lao đöng t' các doanh nghiöp sö hõu nhà nöüc, möc lüüüg trung bình hàng thöng lên t' 6.045 nhân dân t' (913 USD).

Tuy nhiên, không nên sử dụng những con số này như là một chỉ số về chi phí lao động của Trung Quốc nói chung. Trong khu vực thị nhân và trong số những người di cư thị nông thôn, mức tiền công thấp hơn đáng kể, do đó làm giảm mức lương trung bình trong nền kinh tế. Theo dữ liệu của NBS, mức lương trung bình hàng tháng đi về lao động trong các doanh nghiệp thị nhân và người di cư thị nông thôn lần lượt là 3.569 nhân dân tệ (539 USD) và 3.275 nhân dân tệ (tương đương 495 USD).

Sử dụng dữ liệu về tiền lương và số lượng việc làm để đi về các loại hình lao động khác nhau được đề cập ở trên, người ta có thể ước tính mức lương trung bình của lao động ở các khu vực thành thị. Kết quả của việc làm này sẽ tự nhiên nằm ở đâu đó giữa 2 cực (mức lương ở khu vực phi thị nhân và mức lương của những người di cư thị nông thôn) tùy thuộc vào đơn vị tính cụ thể. Tuy nhiên, chỉ số này vẫn chỉ mang lại thông tin hạn chế về thị trường lao động Trung Quốc do còn thiếu thông tin về tiền lương ở các khu vực nông thôn.



[The Diplomat](#)